



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

NGUYỄN DUY HOÀNH SƠN

**HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA ĐỐI VỚI
QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN CỦA CHI NHÁNH
BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM TẠI
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Mã số: 8 34 02 01

Đà Nẵng - Năm 2022

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐN

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Đặng Tùng Lâm

Phản biện 1: PGS.TS. VÕ THỊ THÚY ANH

Phản biện 2: PGS.TS. PHAN DIÊN VỸ

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ
Tài chính ngân hàng họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào
ngày 27 tháng 8 năm 2022

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Với một quá trình hoạt động kinh doanh trong thị trường nội địa hơn 20 năm, cho đến nay “Hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân” đã xây dựng và hình thành nên được một vị trí vô cùng bền vững và ổn định cho doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh khắc nghiệt như hiện nay, đặc biệt nhất là đối với mảng tiền tệ và tín dụng. Trong đó, “Hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân” có thể nói tính đến thời điểm hiện tại đã đóng góp được một số lợi thế và ưu điểm cho nền kinh tế nước nhà, và xã hội Việt Nam, ví dụ điển hình một số thành tựu như sau [24]:

1. Hỗ trợ trong công cuộc xoá đói giảm nghèo: Dựa theo số liệu thống kê được công bố bởi NHNNVN vào năm 202, có đến hơn 1,180 quỹ tín dụng nhân dân trong năm 2020 tham gia vào việc đóng góp vốn tín dụng để giúp đỡ với thành tích có trên 2,1 triệu hộ vượt qua ngưỡng nghèo.

2. Góp phần mở rộng dịch vụ ngành nghề và tạo thêm công ăn việc làm ở vùng nông thôn, khi thu hút và tạo việc làm được cho trên 1,3 triệu lao động vào năm 2020, cũng dựa theo số liệu thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào năm 2021.

3. Khắc phục được đáng kể tình trạng cho vay nặng lãi và là một kênh huy động vốn vô cùng quan trọng đối với người dân, khi đã hỗ trợ được gần 350 nghìn học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập vào năm 2020 [18].

4. Có vai trò vô cùng quan trọng và đóng góp lớn vào quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới của nước ta, với thành tựu xây dựng được hơn 7,4 triệu công trình nước sạch, công trình vệ sinh tại một số các tỉnh thành nằm ở vùng sâu, vùng xa.

Vì vậy, có thể kết luận được rằng hoạt động của các QTDND ở Việt Nam tính đến hiện nay đã và đang ngày càng phát triển nhanh chóng hơn cả về quy mô, chất lượng, lẫn mô hình hoạt động ngày càng đa dạng hơn, nhằm đáp ứng cho nhiều tệp đối tượng khách hàng hơn.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy một thực trạng tiêu cực khác cũng quan trọng không kém, đó là cho đến hiện nay vẫn còn một số Quỹ tín dụng nhân

dân thời gian qua hoạt động yếu kém, có biểu hiện xa rời tôn chỉ và mục đích hoạt động, vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến ổn định chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn và an toàn hoạt động của QTDND. [16]. Trong đó, không thể không đề cập đến những hạn chế và bất cập điển hình như sau:

1. Dựa theo một khảo sát được thực hiện bởi “Báo Bắc Giang” vào năm 2019 cho thấy, nhiều QTDND còn nợ xấu tăng, khó kiểm soát, trong đó toàn tỉnh Bắc Giang có đến 14/19 quỹ có nợ xấu vào năm 2019, tổng nợ xấu của hệ thống quỹ trong tỉnh Bắc Giang chạm đến mốc hơn 19 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,17% tổng dư nợ cho vay, và đã tăng lên đến hơn 16% so với tình hình tương tự vào cuối năm 2017.

2. Vào năm 2019, NHNN Chi nhánh các tỉnh cũng phát hiện ra được rất nhiều sai sót trong công tác quản trị điều hành, kiểm soát nội bộ, và cho vay vốn của các QTDND này.

3. Dựa theo dữ liệu thứ cấp được thu thập thực tế từ tác giả Minh Linh vào năm 2019 cho biết, “một số quỹ chưa thực hiện nghiêm quy định của pháp luật trong huy động và thẩm định hồ sơ cho vay vốn dẫn tới cho vay thiếu phương án sử dụng vốn, hoặc hồ sơ thế chấp không có công chứng”.

Dựa theo những thực trạng và vấn đề bên trên, có thể thấy được một vấn đề lớn chính hiện nay đang xảy ra tại các QTDND này chính là hoạt động kiểm tra, đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát hiện và cảnh báo những yếu kém hay sai phạm trong hoạt động của hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, các QTDND lại chưa thể triển khai được các hoạt động này tối ưu nhất có thể.

Quan trọng hơn, CP và NHNN cũng đang vô cùng tích cực và quyết liệt trong việc tái cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu, BHTGVN được giao thêm nhiều nhiệm vụ mới, trong đó có thể kể đến một số hoạt động chính điển hình như:

1. Hỗ trợ về mặt tài chính để xử lý những khó khăn còn tồn đọng lại tại các QTDND.

2. Nâng cao và tăng cường vai trò tham gia của các QTDND vào hoạt động kiểm tra.

3. Hỗ trợ chức năng kiểm tra và giám sát của NHNN đối với các QTDND đang hiện hành.

4. Đề xuất việc cân nhắc chỉnh sửa lại một số yêu cầu pháp lý được đưa ra trong Luật BHTG.

5. Tận dụng nguồn kết dư phí bảo hiểm tiền gửi vào việc xử lý các TCTD yếu kém.

Bằng chứng thực tế chính là ở buổi trao đổi với các NHTM thực hiện “Chi thị số 06/CT-TTG” của “Thủ tướng Chính phủ”, bà “Nguyễn Thị Thu Hà”, là “Phó Chủ tịch UBND tỉnh” đã đưa ra một đề nghị rằng “NHNN Chi nhánh tỉnh cần tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan để quản lý chặt chẽ hoạt động của các quỹ”, cụ thể thông qua những cách thức mà bà đã nêu ra như sau: “(i) Thường xuyên rà soát, thanh tra định kỳ, đột xuất, kịp thời phát hiện, xử lý các quỹ hoạt động yếu kém và cán bộ vi phạm pháp luật; (ii) Giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện phương án cơ cấu xử lý nợ xấu đến năm 2020 của các quỹ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; và (iii) Các quỹ tăng cường công tác thẩm định, kiểm soát chặt chẽ hồ sơ vay vốn; thu hồi nợ đến hạn, quá hạn, nợ xấu; thực hiện nghiêm phương án xử lý nợ xấu; gắn trách nhiệm của Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ theo quy định nhằm cảnh báo sớm rủi ro, vi phạm pháp luật trong hoạt động” [24].

Ngoài ra, từ thực tiễn công tác kiểm tra tại chỗ của Chi nhánh, nhận thấy một số vấn đề đối với QTDND, ví dụ cụ thể như sau: “(i) Một số QTDND chấp hành các quy định của pháp luật về BHTG chưa tốt, đặc biệt là việc thực hiện đầy đủ về quy trình nghiệp vụ huy động tiền gửi của khách hàng; (ii) Một số cơ chế, quy định nội bộ của QTDND hiện nay không còn phù hợp với thực tế phát sinh và Quy định của NHNN; (iii) Thực hiện hoạt động giao dịch tiền gửi tại điểm giao dịch là không đúng với quy định của NHNN và Luật BHTG; và (iv) Chế tài xử phạt việc chấp hành các quy định pháp luật về BHTG đối với các TCTGBHTG (đặc biệt là QTDND) mới chỉ mang tính chất nhắc nhở, nên một số QTDND ý thức chấp hành còn có những hạn chế nhất định, như việc không gửi bổ sung hồ sơ pháp lý khi có sự thay đổi, vi phạm các quy định về huy động tiền gửi tiết kiệm, không thực hiện khắc phục triệt để các kiến nghị trong kết luận kiểm tra ...vv..”.

Bắt nguồn từ những vấn đề và thực trạng như đã được nêu ra bên trên, đề tài **“Hoàn thiện hoạt động kiểm tra đối với Quỹ tín dụng nhân dân của**

Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Thành phố Đà Nẵng” đã được quyết định lựa chọn trong quá trình thực hiện công trình nghiên cứu này.

2. Mục tiêu nghiên cứu

a. Mục tiêu chung

Bài nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu tổng quát nhằm hướng đến việc phân tích và đánh giá về thực trạng hoạt động kiểm tra đối với “QTDND của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng”. Căn cứ dựa vào những vấn đề được phát hiện ra từ quá trình phân tích và đánh giá, bài nghiên cứu sẽ đưa ra những đề xuất cho các “QTDND của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng”, nhằm mục tiêu chính là để hoàn thiện hoạt động kiểm tra của “Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng” đối với các “QTDND” có hoạt động kinh doanh trên khu vực này. Nhìn chung, mục tiêu chung và chính của công trình nghiên cứu này chính là hướng đến ba yếu tố chính sau đây: “(i) Góp phần đảm bảo hoạt động hệ thống QTDND được ổn định và an toàn; (ii) Phát triển QTDND bền vững, đúng mục tiêu, đúng tính chất, và đúng nguyên tắc của loại hình Tổ chức tín dụng hợp tác; và cuối cùng là (iii) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền”.

b. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ ba mục tiêu nghiên cứu tổng quát chính được nêu ra bên trên trên, luận văn sẽ được thực hiện với nhiệm vụ nghiên cứu nhằm tập trung giải quyết các vấn đề cấp thiết sau đây: “(i) Hệ thống hóa khung cơ sở lý thuyết nghiên cứu về hoạt động kiểm tra đối với QTDND của BHTGVN; (ii) Phân tích được thực trạng hoạt động kiểm tra đối với QTDND của Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Thành phố Đà Nẵng trên địa bàn quản lý giai đoạn năm 2017 – 2021 chỉ ra được những điểm mạnh, điểm yếu và đánh giá cụ thể nguyên nhân, mặt hạn chế của hoạt động kiểm tra; và (iii) Đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động kiểm tra trên cơ sở lý luận và thực trạng hoạt động kiểm tra đối với QTDND của Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Thành phố Đà Nẵng trên địa bàn quản lý giai đoạn năm 2017 – 2021”.

c. Câu hỏi nghiên cứu

Dựa vào ba nhiệm vụ nghiên cứu và ba mục tiêu nghiên cứu được xác định bên trên, bài nghiên cứu cũng tương tự đặt ra được những câu hỏi nghiên

cứu liên quan cần phải trả lời như sau: “(i) Hoạt động kiểm tra đối với Quỹ tín dụng nhân dân của BHTGVN bao gồm những nội dung gì? (ii) Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kiểm tra đối với Quỹ tín dụng nhân dân của BHTGVN là gì; (iii) Thực trạng hoạt động kiểm tra đối với QTDND của Chi nhánh BHTGVN tại TP. Đà Nẵng là như thế nào? (iv) Những mặt đã đạt được và những hạn chế, nguyên nhân trong hoạt động kiểm tra đối với QTDND của Chi nhánh BHTGVN tại TP. Đà Nẵng là gì?; và (v) Nội dung các khuyến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động kiểm tra đối với QTDND của Chi nhánh BHTGVN tại TP. Đà Nẵng là gì?”.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng phân tích: Thực trạng hoạt động kiểm tra của “Chi nhánh BHTGVN tại thành phố Đà Nẵng” đối với các “QTDND” trong khu vực.

- Đối tượng khảo sát: Các cán bộ hiện đang làm việc ở “Chi nhánh BHTGVN tại TP. Đà Nẵng”.

b. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Bài luận văn được triển khai tại TP.Đà Nẵng, với phạm vi không gian chính là tại 61 “QTDND” của “Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Thành phố Đà Nẵng”.

- Phạm vi thời gian: Bài luận văn được triển khai vào năm 2022, sử dụng dữ liệu từ năm 2017 đến năm 2021.

- Phạm vi nội dung: Hoạt động kiểm tra đối với “QTDND” của “Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Thành phố Đà Nẵng”.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Đối với phần “Hệ thống hoá cơ sở lý luận”, bài nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính như sau: “(i) Phương pháp thu thập tài liệu; (ii) Phương pháp đọc; (iii) Phương pháp tổng quan tài liệu; và cuối cùng là (iv) Phương pháp thực hiện đối chiếu, phân tích, và tổng hợp các nguồn thông tin”.

- Đối với phần “Đánh giá thực trạng hoạt động kiểm tra đối với QTDND của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng”, bài nghiên cứu sử dụng ba phương pháp nghiên cứu chính. Đầu tiên, đối với “Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp”, những dữ liệu thứ cấp được thu thập bao gồm có những tài liệu

chính sau đây: “(i) Các báo cáo sơ kết và tổng kết của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng; và (ii) Các báo cáo định kỳ và đột xuất của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng”. Thứ hai, đối với “Phương pháp phân tích thống kê”, bài nghiên cứu sẽ tiến hành phân tích và đưa ra những nhận xét về thực trạng hoạt động kinh doanh và hoạt động kiểm tra của “Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng”. Cuối cùng, bài nghiên cứu cũng sẽ vận dụng “Phương pháp khảo sát ý kiến” đối với một số cán bộ hiện đang làm việc tại chi nhánh, như là: “(i) Lãnh đạo Phòng Kiểm tra Chi nhánh; (ii) Ban Giám đốc Chi nhánh; và (iii) Các cán bộ QTDND”.

- Đối với phần “Kết luận và Khuyến nghị”, bài nghiên cứu sẽ triển khai phương pháp nghiên cứu cuối cùng, đó chính là “Phương pháp tổng hợp, phân tích, suy luận logic, và tổng kết”, nhằm mục tiêu chính là để đưa ra được những nhận định chính xác nhất về thực tiễn, cũng như đề xuất được những khuyến nghị phù hợp và hiệu quả.

5. Bố cục đề tài

Luận văn được triển khai thực hiện với bố cục bao gồm có ba chương chính sau đây: “(i) Chương 1: Cơ sở lý luận về hoạt động kiểm tra của Tổ chức bảo hiểm tiền gửi đối với quỹ tín dụng nhân dân; (ii) Chương 2: Thực trạng hoạt động kiểm tra của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng đối với Quỹ tín dụng nhân dân; và (iii) Chương 3: Một số khuyến nghị hoàn thiện hoạt động kiểm tra của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng đối với Quỹ tín dụng nhân dân”.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong giai đoạn nghiên cứu đề tài “*Hoàn thiện hoạt động kiểm tra đối với Quỹ Tín dụng nhân dân của Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Thành phố Đà Nẵng*”, một số tài liệu nghiên cứu đã được tác giả thu thập, nhằm phục vụ cho quá trình nghiên cứu và phân tích, cụ thể như sau:

a. Các bài báo khoa học

b. Các luận văn Thạc sỹ có liên quan đã công bố tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng trong ba năm gần đây

c. Các luận văn Thạc sỹ đã công bố tại Trường Đại học trong cả nước trong ba năm gần đây

*** Khoảng trống nghiên cứu:**

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu được liệt kê phía bên trên đã đạt được một số điểm mạnh sau đây: “(i) Xây dựng được một số vấn đề thuộc hệ thống lý luận về Tổ chức BHTG; (ii) Đánh giá được thực trạng các hoạt động nghiệp vụ; (iii) Đề xuất được các giải pháp nhằm phòng ngừa, nâng cao chất lượng các hoạt động nghiệp vụ của Tổ chức BHTG”.

Tuy nhiên, những tài liệu tham khảo đó vẫn còn gặp phải một số hạn chế cần được khắc phục như sau: “(i) Chưa có nhiều luận văn đề cập đến hoạt động kiểm tra; (ii) Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan hiện nay so với thời điểm một số công trình nêu trên đã có nhiều thay đổi; và (iii) Các kiến nghị, đề xuất chủ yếu đề cập đến việc sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của Tổ chức BHTG mà chưa tập trung chuyên sâu về hoạt động kiểm tra của BHTGVN”.

Tóm lại, những khoảng cách nghiên cứu của các tài liệu tham khảo này chính là: “(i) Chưa có khuyến nghị nào liên quan đến hoạt động kiểm tra của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng đối với QTDND; (ii) Chưa có nghiên cứu nào đề cập trực tiếp đến hoạt động kiểm tra của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng đối với QTDND; và (iii) Các đề tài ở trên chưa cập nhật dữ liệu đến thời điểm hiện nay của Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Thành phố Đà Nẵng”.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA ĐỐI VỚI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

1.1. TỔNG QUAN VỀ QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

1.1.1. Khái niệm

Trong “Luật Tổ chức tín dụng năm 2012”, khái niệm về “Quỹ tín dụng nhân dân” đã từng được định nghĩa là “một tổ chức tín dụng do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này và Luật hợp tác xã nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống”.

1.1.2. Đặc điểm của quỹ tín dụng nhân dân

a. Mục tiêu

b. Nhiệm vụ

c. Vai trò

d. Hoạt động

1.2. TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

1.2.1. Khái niệm tổ chức bảo hiểm tiền gửi

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi chính là một đối tác nhận đóng góp tài chính từ các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và có trách nhiệm thực hiện chi trả tiền gửi được bảo hiểm đến người gửi tiền thuộc đối tượng được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, khi tổ chức đó chấm dứt hoạt động hoặc mất khả năng thanh toán.

1.2.2. Vai trò của Bảo hiểm tiền gửi

Nhìn chung, “Bảo hiểm tiền gửi” sẽ có những bản chất cơ bản chính sau đây: “(i) Là bảo hiểm rủi ro về tiền gửi tại các QTDND; (ii) Luôn gắn liền yếu tố niềm tin, mang tính nhạy cảm và có tính lan truyền cao; (iii) Thúc đẩy sự kết hợp hài hòa giữa nỗ lực nâng cao chất lượng hoạt động ngân hàng và sự

cộng tác tích cực của các thành viên trong xã hội trên cơ sở các bên cùng có lợi; (iv) Hướng tới thu hút được tối đa nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi trong cộng đồng; và (v) Tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững”.

1.2.3. Mô hình của BHTG

Dựa theo thông lệ quốc tế, có tổng cộng bốn “Mô hình tổ chức bảo hiểm tiền gửi” đang được triển khai trên thế giới hiện nay, bao gồm có: “(i) Mô hình chi trả (Pay-box system); (ii) Mô hình chi trả với quyền hạn mở rộng (Pay-box with extended powers system); (iii) Mô hình giảm thiểu tổn thất (Loss minimizer system); và (iv) Mô hình giảm thiểu rủi ro (Risk Minimizer System)”.

1.3. HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI ĐỐI VỚI CÁC QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

1.3.1. Khái niệm và vai trò của hoạt động kiểm tra của Tổ chức BHTG

a. Khái niệm

Dựa theo dữ liệu thứ cấp được thu thập từ “IADI”, khái niệm về “Kiểm tra (examination/inspection)” được định nghĩa là “chức năng đánh giá của cơ quan giám sát hoặc tổ chức BHTG đối với tổ chức tài chính tham gia BHTG, được thực hiện ngay tại cơ sở của tổ chức tài chính, bao gồm kiểm tra sổ sách, giấy tờ cũng như hoạt động kiểm soát nội bộ của tổ chức đó”.

b. Vai trò

1.3.2. Hoạt động kiểm tra của Tổ chức Bảo hiểm tiền gửi đối với QTDND

a. Chủ thể và đối tượng kiểm tra

b. Công cụ kiểm tra

c. Hình thức kiểm tra

d. Quy trình kiểm tra

e. Nội dung kiểm tra

1.3.3. Các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động kiểm tra đối với QTDND của Bảo hiểm tiền gửi

a. Mức độ hoàn thành kế hoạch và nội dung kiểm tra

b. Số lượng các sai phạm được phát hiện

c. Tỷ lệ thu phí BHTG và chi phí chi trả bảo hiểm khi xảy ra đổ vỡ

1.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA ĐỐI VỚI CÁC QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

1.4.1. Nhân tố khách quan

a. Hành lang pháp lý liên quan đến hoạt động kiểm tra

b. Quỹ tín dụng nhân dân và các cơ quan chức năng có liên quan đến hoạt động kiểm tra

c. Hoạt động của các QTDND

d. Môi trường làm việc

1.4.2. Nhân tố chủ quan

a. Quy trình kiểm tra

b. Cán bộ trực tiếp kiểm tra

c. Phương pháp kiểm tra

d. Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình kiểm tra

e. Điều kiện vật chất, trang thiết bị, phương tiện đi lại

KẾT LUẬN CHƯƠNG I

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CỦA CHI NHÁNH BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐỐI VỚI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

2.1. KHÁI QUÁT VỀ CHI NHÁNH BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Thành phố Đà Nẵng

a. Lịch sử hình thành và phát triển của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

b. Quá trình hình thành và phát triển của Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Thành phố Đà Nẵng

2.1.2. Cơ cấu tổ chức và các hoạt động chính của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

a. Cơ cấu tổ chức

b. Những hoạt động đã thực hiện

2.2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA CHI NHÁNH BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.2.1. Đặc thù của các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng quản lý

2.2.2. Kết quả hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn

Các “TCTGBHTG” trong khu vực thuộc quyền quản lý của chi nhánh chủ yếu là các “QTDND”. Trong đó, số lượng TCTGBHTG trên địa bàn do Chi nhánh quản lý hiện nay là 61 đơn vị QTDND. Thực tiễn hiện nay cho thấy, mô hình “QTDND” có thể nói là vô cùng thích hợp so với tình hình nền kinh tế hiện tại, cũng như đảm nhận một vai trò vô cùng cốt lõi đối với việc góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển, tạo ra thặng dư cho các thành viên và người dân vay vốn, xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các địa phương...

Bảng 2.1. Số lượng quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn Chi nhánh quản lý

Tỉnh/Thành phố	
Quảng Trị	11
Thừa Thiên Huế	7
Thành phố Đà Nẵng	0
Quảng Nam	3
Quảng Ngãi	13
Bình Định	27
Tổng cộng	61

Nguồn: Báo cáo kiểm tra Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

Bảng 2.2. Nguồn vốn của các QTDND trên địa bàn

Đơn vị: triệu đồng

Thời gian	Số QTDND	Tổng nguồn vốn				
		Tổng số	Trong đó			
			Vốn tự có	Vốn huy động	Vốn vay	Vốn và các quỹ khác
2016	50	2.264.941	114.416	2.084.052	41.720	31.526
2017	50	2.400.085	118.906	2.155.422	81.092	41.618
2018	50	2.726.872	136.927	2.411.404	121.595	53.616
2019	50	3.089.777	156.345	2.600.763	136.334	64.745
2020	50	3.375.654	162.367	2.987.453	145.667	78.770
2021	61	4.758.885	196.290	4.236.152	227.986	98.457

Nguồn: Báo cáo giám sát của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

Kết quả được thể hiện trong bảng trên đã cho thấy một kết quả tích cực, đó chính là nguồn vốn của các “QTDND” hiện nay đang liên tục có xu hướng tăng lên sau mỗi năm, chứng tỏ rằng người tiêu dùng tại khu vực này hiện đang có một sự tin tưởng và tín nhiệm rất cao vào các QTDND này. Bên cạnh đó, một kết quả tích cực khác cũng không thể không nhắc đến, đó chính là nguồn huy động

cũng đang bắt đầu tăng lên cao hơn qua từng năm, bắt chắp cho mọi ảnh hưởng tiêu cực đến từ sự cạnh tranh khốc liệt. Sở dĩ vì, nền kinh tế nước ta hiện nay đang dần có một đà phát triển tương đối khá ổn định, và đồng thời cũng đã bắt đầu xây dựng và hình thành nên được một vị trí đứng bền vững và ổn định cho QTDND trong khu vực này.

Bảng 2.4. Thu nhập - Chi phí của QTDND trên địa bàn

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Chênh lệch Thu nhập - Chi phí	4.408	15.244	17.295	26.565	35.678	48.570

Nguồn: Báo cáo giám sát Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

Tóm lại, qua các bảng số liệu cho thấy, tình hình kinh tế trên địa bàn có sự chuyển biến tích cực, các khó khăn trong sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp đang từng bước được tháo gỡ, do chính sách giảm lãi suất cho vay của NHNN được triển khai thực hiện. Hệ thống QTDND trên địa bàn khu vực luôn có sự tăng trưởng ổn định cả về quy mô và chất lượng. Nhiều đơn vị đã có sự linh hoạt và chủ động trong công tác quản trị, điều hành, áp dụng và thực hiện lãi suất linh hoạt nên vốn huy động tăng trưởng khá và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nguồn vốn. Hoạt động của các QTDND trên địa bàn đã đáp ứng được đầy đủ nhu cầu vốn cho mục tiêu tăng trưởng và phát triển nền kinh tế trên địa bàn, tạo được nhiều công ăn việc làm, cải thiện đời sống vật chất của nhân dân, thúc đẩy an sinh xã hội, góp phần xóa bỏ các tệ nạn cho vay nặng lãi tại các địa phương.

2.3. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CỦA CHI NHÁNH BHTGVN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐỐI VỚI QTDND TRÊN ĐỊA BÀN

2.3.1 Công cụ kiểm tra

2.3.2. Quy trình kiểm tra

Đối với Chi nhánh, thực trạng quy trình triển khai công tác kiểm tra hiện

nay đã và đang được triển khai thực hiện dựa theo “Quy chế kiểm tra của BHTGVN đối với TCTGBHTG ban hành kèm theo Quyết định số 801/QĐ-BHTG-HĐQT ngày 30/12/2015” và “Hướng dẫn thực hiện Quy chế kiểm tra của BHTGVN đối với TCTGBHTG số 1723/HD-BHTG ngày 30/12/2021 của Chủ tịch HĐQT BHTGVN”.

Theo đó, quy trình thực hiện cụ thể như sau:

- Chuẩn bị cho cuộc kiểm tra:

+ Nội dung quyết định kiểm tra bao gồm các yếu tố sau đây: “(i) Căn cứ kiểm tra; (ii) Đối tượng kiểm tra; (iii) Phạm vi và nội dung kiểm tra; (iv) Thời hạn và thời hiệu kiểm tra; và (v) Trưởng đoàn kiểm tra và các thành viên khác của đoàn kiểm tra”.

- Tiến hành kiểm tra:: “(i) Công bố quyết định kiểm tra với đối tượng kiểm tra chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập đoàn kiểm tra; (ii) Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên trong đoàn yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra; và (iii) Đoàn kiểm tra nghiên cứu tài liệu hồ sơ để làm rõ nội dung kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các quy định pháp luật của đối tượng kiểm tra”.

- Kết thúc kiểm tra: “(i) Xây dựng biên bản kiểm tra và tổ chức thông qua biên bản kiểm tra với đối tượng kiểm tra, trong đó nội dung biên bản chỉ rõ những vi phạm, nguyên nhân và đưa ra những kiến nghị về biện pháp xử lý vi phạm; (ii) Xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra gửi cấp ra quyết định kiểm tra, chậm nhất sau 5 ngày thông qua biên bản kiểm tra với đối tượng kiểm tra; và (iii) Trưởng đoàn kiểm tra công bố kết luận kiểm tra và hoàn thiện hồ sơ gửi phòng chuyên môn để lưu trữ”.

2.3.3. Nội dung kiểm tra và mức độ hoàn thành nội dung kiểm tra

- Giai đoạn 2016 – 2018: nội dung hoạt động kiểm tra bao gồm có kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về BHTG.

- Giai đoạn 2019 – 2022: nội dung hoạt động kiểm tra thêm bao gồm có kiểm tra một số nội dung theo chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Bảng 2.5. Số lượng QTDND được kiểm tra từ năm 2017 - 2021

Năm	Số lượng QTDND quản lý	Số lượng QTDND đã kiểm tra	Tỷ lệ QTDND kiểm tra so với tổng số QTDND Chi nhánh quản lý
2017	50	12	24%
2018	50	11	22%
2019	50	24	48%
2020	50	14	28%
2021	61	12	19%

Nguồn: Báo cáo kiểm tra 2017-2021, Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

Có thể thấy, công tác kiểm tra đang được chi nhánh triển khai vô cùng hiệu quả, sở dĩ vì đã có một kế hoạch kiểm tra chi tiết và đầy đủ, với những công việc quan trọng như là: “(i) Chủ động xây dựng đề cương, kế hoạch kiểm tra bám sát theo hướng dẫn chung của BHTGVN và phù hợp với hoạt động thực tế tại từng đơn vị; (ii) Chủ động phối hợp với NHNN chi nhánh các tỉnh trên địa bàn có đơn vị được kiểm tra; (iii) Thông báo kế hoạch, đề cương kiểm tra cho từng đơn vị và yêu cầu đơn vị chuẩn bị tài liệu, sổ sách phục vụ cho công tác kiểm tra”.

2.3.4. Số lượng các sai phạm được phát hiện

a. Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về BHTG

- Kiểm tra những thay đổi, bổ sung về hồ sơ pháp lý tham gia bảo hiểm tiền gửi:

Bảng 2.6. Số đơn vị vi phạm việc chấp hành các quy định về những thay đổi, bổ sung về hồ sơ pháp lý tham gia bảo hiểm tiền gửi trong số các đơn vị được kiểm tra từ năm 2017 - 2020

Năm	Số đơn vị vi phạm	Tỷ lệ phần trăm đơn vị vi phạm
2017	07/12	58,3%
2018	09/11	81,8%
2019	18/24	75%
2020	13/14	92,8%
2021	07/12	70%

Nguồn: Báo cáo kiểm tra 2017-2021, Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

Qua số liệu trên bảng, cho thấy, tỷ lệ vi phạm vẫn khá cao, từ năm 2017 là 58,3%, năm 2018 tăng lên 81,8%, năm 2019 giảm xuống 75%, năm 2020, lại tăng mạnh lên 92,8% và giảm xuống 58,3% vào năm 2021. Thông qua quá trình đánh giá tại các đơn vị cho thấy, nguyên nhân tạo ra những hạn chế này chính là do lãnh đạo của nhiều QTDND chưa thực sự quan tâm chỉ đạo cán bộ về việc gửi bổ sung về những thay đổi hồ sơ pháp lý tham gia BHTG về cho chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm tra việc quản lý và niêm yết Chứng nhận tham gia BHTG.

Bảng 2.7. Số đơn vị vi phạm việc chấp hành các quy định về việc quản lý và niêm yết Chứng nhận tham gia BHTG trong số các đơn vị được kiểm tra từ năm 2017 - 2021.

Năm	Số đơn vị vi phạm	Tỷ lệ phần trăm đơn vị vi phạm
2017	1/12	8,3%
2018	0/11	0%
2019	0/24	0%
2020	0/14	0%
2021	0/12	0%

Nguồn: Báo cáo kiểm tra 2017-2021, Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

Năm 2017, tỷ lệ vi phạm là 8,3%, là mức tỷ lệ vi phạm cao nhất trong năm năm gần đây. Tuy nhiên, cũng là một kết quả tương đối tích cực, sở dĩ vì số đơn vị vi phạm chỉ phạm vào duy nhất 1 đơn vị.

+ *Kiểm tra việc xây dựng văn bản nội bộ liên quan đến việc nhận tiền gửi của khách hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.*

+ *Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp của các thông tin trên chứng từ.*

+ *Kiểm tra thủ tục thu, chi tiền mặt, giấy tờ có giá liên quan đến tiền gửi của khách hàng.*

+ *Đối chiếu tiền gửi và hạch toán luân chuyển chứng từ.*

+ *Kiểm tra việc quản lý, kiểm kê ấn chỉ trống quan trọng liên quan đến*

tiền gửi của khách hàng

- Kiểm tra việc cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm, các thông tin và báo cáo khác theo yêu cầu của BHTGVN.

Bảng 2.9. Số đơn vị vi phạm việc chấp hành cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm, các thông tin và báo cáo khác theo yêu cầu của BHTGVN trong số các đơn vị được kiểm tra từ năm 2017 – 2021

Năm	Việc chấp hành cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm, các thông tin và báo cáo khác theo yêu cầu của BHTGVN		Việc lập và duy trì mẫu biểu 03/BHTG theo quy định tại Quy chế Thông tin báo cáo về tiền gửi được bảo hiểm	
	Số đơn vị vi phạm	Tỷ lệ phần trăm đơn vị vi phạm	Số đơn vị vi phạm	Tỷ lệ phần trăm đơn vị vi phạm
2017	0/12	0%	Chưa có quy định thực hiện	
2018	0/11	0%		
2019	0/24	0%	16/24	66,6%
2020	0/14	0%	02/14	14,2%
2021	0/12	0%	08/12	66,6%

Nguồn: Báo cáo kiểm tra 2017-2021, Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

Bảng 2.10. Số đơn vị vi phạm việc thực hiện các kiến nghị trong văn bản Kết luận kiểm tra lần trước trong số các đơn vị được kiểm tra từ năm 2017 – 2021

Năm	Số đơn vị vi phạm	Tỷ lệ phần trăm đơn vị vi phạm
2017	12/12	100 %
2018	11/11	100 %
2019	21/24	87.5 %
2020	12/14	85.7 %
2021	10/12	83.3%

Nguồn: Báo cáo kiểm tra 2017-2021, Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

Kết quả cho thấy tỷ lệ vi phạm từ năm 2017 đến năm 2018 là 100%.

Nguyên nhân do các kiến nghị của BHTGVN chưa có chế tài xử lý nên các đơn vị chưa nghiêm túc thực hiện, do với tâm lý nếu không thực hiện thì QTDND cũng không bị xử phạt hành chính.

Tuy nhiên, từ năm 2019 đến năm 2021, Chi nhánh đã thực hiện việc theo dõi đơn đốc các QTDND thực hiện các kiến nghị chặt chẽ hơn nên tỷ lệ vi phạm cũng đã giảm, cụ thể năm 2019, tỷ lệ giảm còn 87,5% giảm xuống còn 83,3% vào năm 2021.

b. Kiểm tra tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng (Giai đoạn 2019 - 2021)

- Kiểm tra về hoạt động huy động tiền gửi tiết kiệm.
- Về xây dựng văn bản nội bộ liên quan đến tiền gửi tiết kiệm.
- Về kiểm tra, đối chiếu các thông tin, số liệu huy động vốn:
- Đối chiếu trực tiếp tiền gửi khách hàng
- Về tỷ lệ huy động vốn trong, ngoài thành viên, địa bàn hoạt động theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/03/2015.
- Về việc quản lý và sử dụng ấn chỉ quan trọng.

Bảng 2.12. Số đơn vị vi phạm việc quản lý và sử dụng ấn chỉ quan trọng tại đơn vị trong số các đơn vị được kiểm tra từ năm 2019 – 2021

Năm	Việc xây dựng và ban hành văn bản nội bộ về quản lý và sử dụng ấn chỉ quan trọng		Việc theo dõi, quản lý ấn chỉ quan trọng	
	Số đơn vị vi phạm	Tỷ lệ phần trăm đơn vị vi phạm	Số đơn vị vi phạm	Tỷ lệ phần trăm đơn vị vi phạm
2019	01/04	25 %	01/04	25 %
2020	01/03	33.3%	01/03	33.3%
2021	0/02	0%	02/02	100%

Nguồn: Báo cáo kiểm tra 2019-2021, Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

- Về việc chấp hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu.

Bảng 2.13. Số đơn vị vi phạm việc chấp hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong số các đơn vị được kiểm tra từ năm 2019 – 2021

Năm	Việc ban hành văn bản nội bộ về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu		Việc tính toán, duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	
	Số đơn vị vi phạm	Tỷ lệ phần trăm đơn vị vi phạm	Số đơn vị vi phạm	Tỷ lệ phần trăm đơn vị vi phạm
2019	0/04	0 %	02/04	50 %
2020	01/03	33.3%	01/03	33.3%
2021	0/02	0%	01/02	50%

Nguồn: Báo cáo kiểm tra 2019-2021, Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

2.3.5. Thu phí BHTG và chi phí chi trả bảo hiểm khi xảy ra đổ vỡ

Bảng 2.14. Số QTDND còn tính sai phí phát hiện qua kiểm tra

Đơn vị: nghìn đồng

Thời gian kiểm tra	Số đơn vị được kiểm tra	Thừa phí		Thiếu phí		Số QTD còn chênh lệch phí	Tỷ lệ phần trăm đơn vị vi phạm
		Số QTD thừa Phí	Số phí thừa	Số QTD thiếu phí	Số phí thiếu		
2017	12	8	4.727	4	8.548	12	100%
2018	11	8	4.906	3	2.571	11	100%
2019	24	18	10.468	4	6.087	22	91,6%
2020	14	7	1.619	3	6.591	10	71,4%
2021	12	5	1.105	5	460	10	83,3%

Nguồn: Báo cáo kiểm tra 2017-2021, Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

2.4. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CỦA CHI NHÁNH BHTGVN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐỐI VỚI QTDND TRÊN ĐỊA BÀN

2.4.1 Mức độ hoàn thành kế hoạch và nội dung kiểm tra

Bảng 2.15. Mức độ hoàn thành kế hoạch và nội dung kiểm tra 2017 – 2021

Năm	Số lượng QTDND quản lý	Số lượng QTDND được giao theo kế hoạch	Số lượng QTDND đã kiểm tra	Tỷ lệ QTDND kiểm tra so với tổng số QTDND Chi nhánh quản lý	Tỷ lệ QTDND kiểm tra so với Kế hoạch được giao
2017	50	12	12	24%	100%
2018	50	11	11	22%	100%
2019	50	24	24	48%	100%
2020	50	14	14	28%	100%
2021	61	12	12	19%	100%

Nguồn: Báo cáo kiểm tra 2017-2021, Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

Dựa vào số liệu thống kê về số lượng QTDND được kiểm tra từ năm 2017 cho đến năm 2021 cho thấy, có thể nhận xét được rằng mức độ hoàn thành kế hoạch và nội dung kiểm tra hiện nay ở chi nhánh BHTGVN tại thành phố Đà Nẵng luôn hoàn thành được 100% so với kế hoạch được giao ra ban đầu. Cụ thể hơn, xuyên suốt từ năm 2017 cho đến năm 2021, số lượng QTDND được giao theo kế hoạch luôn bằng với số lượng QTDND đã kiểm tra trên thực tế. Vì vậy, điểm tích cực ở đây chính là mức độ hoàn thành kế hoạch và nội dung luôn được giữ vững và duy trì ở mức hoàn hảo tuyệt đối là 100%.

2.4.2 Số lượng các sai phạm được phát hiện

Bảng 2.16. Số lượng các sai phạm được phát hiện

Năm	Số lượng sai phạm phát hiện	Tỷ lệ phần trăm
2017	35	-
2018	45	28.6%
2019	85	88.9%
2020	74	-13%
2021	41	- 45%

Nguồn: Báo cáo kiểm tra 2017-2021, Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

2.4.3 Tỷ lệ thu phí BHTG và chi phí chi trả bảo hiểm khi xảy ra đổ vỡ

Kết quả kiểm tra về thu phí BHTG và chi phí chi trả bảo hiểm khi xảy ra đổ vỡ tại các QTDND được kiểm tra đã cho thấy một kết quả tích cực là số đơn vị vi phạm đang có xu hướng đang giảm dần qua các năm. Cụ thể từ năm 2017-2018, tỷ lệ vi phạm là 100%, nhưng sang năm 2019 đã giảm xuống 91,6%, năm 2020 là 71,4% và năm 2021 là 83,3%. Như vậy, có thể kết luận được rằng các đơn vị được kiểm tra đã và đang nhận thức được đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ nộp phí và thực hiện chúng một cách nghiêm túc và hoàn chỉnh hơn. Nhờ đó, kết quả thu phí BHTG và chi phí chi trả bảo hiểm khi xảy ra đổ vỡ tại các QTDND cũng đạt được hiệu quả và chất lượng ngày càng cao hơn so với trước đây.

2.5. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CỦA CHI NHÁNH BHTGVN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐỐI VỚI QTDND TRÊN ĐỊA BÀN

2.5.1. Kết quả đạt được

2.5.2. Hạn chế

2.5.3. Nguyên nhân của hạn chế

a. Nguyên nhân chủ quan

b. Nguyên nhân khách quan

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA ĐỐI VỚI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN CỦA CHI NHÁNH BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. CĂN CỨ CHO VIỆC ĐỀ XUẤT KHUYẾN NGHỊ HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CỦA CHI NHÁNH BHTGVN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐỐI VỚI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Định hướng tăng cường hoạt động kiểm tra đối với QTDND của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

3.2. KHUYẾN NGHỊ HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA ĐỐI VỚI QTDND CỦA CHI NHÁNH BHTGVN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.2.1 Khuyến nghị đối với Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng

a. Tăng cường phối hợp giữa Chi nhánh với NHNN các tỉnh, thành phố và các cơ quan liên quan

b. Nâng cao việc theo dõi, giám sát việc thực hiện nghiêm túc kiến nghị sau kiểm tra của QTDND

c. Nâng cao trình độ nhân lực tham gia công tác kiểm tra

d. Nâng cao chất lượng nội dung kiểm tra với tính khoa học và sáng tạo trong phương pháp kiểm tra

e. Cải thiện việc cung cấp phương tiện đi lại và công cụ kiểm tra

f. Tổ chức tốt việc phối hợp giữa công tác giám sát từ xa và kiểm tra

3.2.2 Khuyến nghị đối với BHTGVN

3.2.3. Khuyến nghị đối với Chính phủ và Ngân hàng nhà nước Việt Nam

a. Hoàn thiện quy trình, thủ tục, quy chế kiểm tra

b. Hoàn thiện mạng lưới hoạt động

c. Về công tác đào tạo, tập huấn nhân lực tham gia công tác kiểm tra

d. Nâng cao nhận thức của người gửi tiền

e. Khuyến nghị Chính phủ tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp lý liên quan tới BHTG.

f. Khuyến nghị Chính phủ nâng cao vai trò, năng lực tài chính và hoạt động của BHTG.

g. Khuyến nghị Chính phủ nâng hạn mức trả tiền bảo hiểm

h. Khuyến nghị NHNN xây dựng cơ chế phối hợp giữa BHTGVN với NHNN và các cơ quan chức năng liên quan

i. Khuyến nghị NHNN nâng cao công tác phối hợp trong theo dõi, đơn đốc thực hiện kết luận thanh, kiểm tra giữa NHNN và BHTGVN

j. Khuyến nghị NHNN nâng cao việc thực hiện chấn chỉnh các tồn tại, sai sót của QTDND qua kiểm tra

3.2.4. Khuyến nghị đối với QTDND

a. Đào tạo nhân lực

b. Nâng cao tính chấp hành các quy định của pháp luật về BHTG

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Tóm lại, BHTG có thể hiểu là “một định chế tài chính quan trọng trong hệ thống mạng an toàn tài chính quốc gia, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự phát triển an toàn, lành mạnh hệ thống tài chính - ngân hàng”. Do đó, việc nghiên cứu về thực trạng kiểm tra của “BHTGVN”, đặc biệt là “Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng” đối với các “QTDND” trong khu vực có thể nói là một hoạt động vô cùng quan trọng, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả kiểm tra, cũng như giải quyết được những vấn đề còn tồn đọng lại.

Trong bài nghiên cứu này, các cơ sở lý luận cơ bản đã được đưa vào một cách hệ thống với một số thông tin điển hình như: “(i) Khái niệm; (ii) Nản chất; (iii) Mục đích; (iv) Vai trò của BHTG; (v) Sự khác biệt giữa BHTG với các loại hình bảo hiểm thương mại khác; (vi) Sự hình thành và phát triển BHTG trên thế giới; (vii) Hạt động kiểm tra của BHTG đối với các QTDND

trên địa bàn; cũng như (viii) Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kiểm tra của BHTGVN”.

Thông qua những cơ sở lý thuyết đó, bài nghiên cứu cũng đã tiến hành phân tích và đánh giá về thực trạng hoạt động kiểm tra của “Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng” đối với các QTDND trên địa bàn trong giai đoạn 2017 - 2020, từ đó đưa ra được các thành tựu, cũng như các hạn chế và nguyên nhân dẫn đến các hạn chế ấy.

Trên cơ sở đó, kết hợp với định hướng chiến lược phát triển của BHTGVN và phương hướng hoàn thiện kiểm tra của Chi nhánh BHTGVN tại Thành phố Đà Nẵng, luận văn đã nêu ra các giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề còn hạn chế, tồn tại và yếu kém để từ đó hoàn thiện kiểm tra đối với QTDND của Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Thành phố Đà Nẵng, đồng thời đề xuất một số kiến nghị với các cơ quan cấp trên liên quan như Chính phủ, NHNN Việt Nam và chi nhánh NHNN các tỉnh, BHTGVN nhằm hỗ trợ việc thực hiện các giải pháp đó.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, cố gắng của bản thân, tác giả đã tập trung nghiên cứu hoàn thành đề tài, nhưng do thời gian giới hạn, tính phức tạp và lĩnh vực nghiên cứu còn mới mẻ, mặt khác với khả năng và trình độ nghiên cứu khoa học bản thân còn hạn chế nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi chân thành mong muốn nhận được sự quan tâm, góp ý của các quý thầy giáo, cô giáo để luận văn được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của các Thầy, Cô giáo trong Khoa Tài chính ngân hàng, trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng đã truyền thụ kiến thức quý báu trong quá trình học tập. Tôi xin cảm ơn Ban lãnh đạo Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Thành phố Đà Nẵng, đồng nghiệp, các bạn bè cùng lớp, và gia đình đã tạo điều kiện và dành cho tôi sự động viên, giúp đỡ trong quá trình học tập và viết Luận văn. Đặc biệt tôi xin chân thành cảm ơn Thầy giáo Phó Giáo sư - Tiến sĩ Đặng Tùng Lâm đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo và hướng dẫn Tôi trong việc nghiên cứu đề tài và hoàn thành bản Luận văn này.